

---\*\*\*---

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020.

*“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thu.*

*2. Ông Hoàng Văn Tấn.*

**- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa**, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Chu Thị Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số 271/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mạc Thị L**, sinh năm 1990.

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn K**, sinh năm 1993.

Cùng ĐKNKTT: Thôn **BM**, xã **YL**, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

*(các đương sự đều có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7; 06/8/2020 và quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị **Mạc Thị L** trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị **Mạc Thị L** và anh **Hà Văn K** do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **BP**, huyện Chiêm Hóa vào năm 2013, chị **L** và anh **K** được gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị **L** và anh **K** chung sống tại Thôn **BM**, xã **YL**, huyện Chiêm Hóa, tỉnh

Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chị L cho rằng anh K mãi chơi, không chăm lo cho cuộc sống chung, chị L có khuyên bảo nhưng anh K không sửa chữa mà vẫn chứng nào tật ấy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh K còn đánh đập chị L, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ để sống từ năm 2019 và anh chị đã sống ly thân từ đó. Chị L xác định tình cảm đối với anh K không còn, chị L xin ly hôn với anh K.

*Về con chung:* Chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K có một con chung tên là Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2013. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 300.000<sup>d</sup>.

*Về tài sản chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đề ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn anh Hà Văn K trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hà Văn K và chị Mạc Thị L do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện Chiêm Hóa, anh chị được gia đình tổ chức cưới hỏi theo P tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại Thôn BM, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, cho đến khoảng thời gian năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh K cho rằng vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi nhau, sau đó chị L đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ để sống từ năm 2019, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh K xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L vẫn còn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, nhưng nếu chị L cương quyết xin ly hôn anh K cũng nhất trí ly hôn.

*Về con chung:* Anh Hà Văn K và chị Mạc Thị L có một con chung tên là Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2013. Sau khi ly hôn anh K có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng.

*Về tài sản chung:* Anh Hà Văn K và chị Mạc Thị L xác nhận không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2020 cháu Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2020 trình bày sau khi chị L và anh K ly hôn nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm của mình như trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải; chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Hà Văn K không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh Hà Văn K nhất trí ly hôn; Về nuôi con chung: Chị L có nguyện

vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2013 và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh K cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Khải P và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K cùng xác nhận không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 227, 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K; Về con chung: Giao cháu Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Mạc Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn; Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết; Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, do vậy không đề cập giải quyết; Về án phí: Chị Mạc Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mạc Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn với anh Hà Văn K, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; anh Hà Văn K có hộ khẩu thường trú tại Thôn BM, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K là hợp pháp, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn, chị L và anh K chung sống tại Thôn BM, xã YL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo chị L và anh K trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và hiện đã sống ly thân. Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K vì chị và anh K không cùng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn anh K, anh K nhất trí ly hôn với chị L.

Qua điều tra xác minh cũng như kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh K thực sự đã rất trầm trọng. Chị L và anh K đều xác định tình cảm đối với nhau không còn, cùng có nguyện vọng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K.

[3] Về con chung: Chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K có một con chung tên là Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2013. Quá trình giải quyết chị L và anh K đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Thôn BM, xã YL, huyện Chiêm Hóa cho thấy chị L và anh K thuộc diện hộ nghèo của xã năm 2020, mức thu nhập bình quân của một người dân tại địa phương là 2.083.000<sup>d</sup>/tháng ; thu nhập của hộ nghèo là dưới 700.000<sup>d</sup>/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy để xác định mức thu nhập của chị L và anh K qua biên bản xác minh tại Thôn BM, xã YL là có căn cứ. Nhận thấy, mức thu nhập của chị L và anh K là như nhau, nên điều kiện nuôi con của chị L và anh K là tương đương nhau. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 07/9/2020 tại Công an xã YL xác định hiện tại anh K là người sử dụng ma túy và thường xuyên giao du với các đối tượng nghiện ma túy, qua kiểm tra xét nghiệm nước tiểu xác định anh K sử dụng ma túy; mặt khác cháu P có nguyện vọng sau khi chị L và anh K ly hôn được chị Mạc Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt và tâm sinh lý của cháu P xét thấy cần giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử cần áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Khải P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

\* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, do vậy Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mạc Thị L thuộc diện hộ nghèo của xã YL năm 2020, nhưng trong quá trình giải quyết chị L không có đơn đề nghị miễn án phí, do vậy HĐXX áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Mạc Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Mạc Thị L và anh Hà Văn K.

2. *Về con chung:* Giao cháu Hà Khải P, sinh ngày 21/8/2013 cho chị Mạc Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. *Về án phí :* Chị Mạc Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002832 ngày 10/8/2020, nay được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2020).

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bình Phú(nơi ĐKKH);
- UBND xã Yên Lập(để biết);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Hạnh Quỳnh**